

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000  
Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày  
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị  
và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết  
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của  
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản  
lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành  
phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây  
dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy  
hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

*Căn cứ Công văn số 156/TTg-CN ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ;*

*Công văn số 3826/BXD-QHKT, ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ thông qua Đề án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1987/TTr-SXD ngày 10 tháng 7 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

#### **1. Tên đồ án quy hoạch xây dựng**

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ.

#### **2. Phạm vi và quy mô diện tích lập quy hoạch xây dựng**

a) Phạm vi lập quy hoạch: tại xã Vĩnh Trinh và xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc: Giáp hành lang an toàn đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh;

- Phía Đông Nam: giáp với khu dân cư hiện hữu và khu vực canh tác nông nghiệp xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh;

- Phía Tây Nam: giáp với khu vực canh tác nông nghiệp xã Vĩnh Trinh và xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh;

- Phía Đông Bắc: giáp với khu vực canh tác nông nghiệp, đất dân cư nông thôn hiện hữu tại xã Vĩnh Trinh và xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 559,86ha.

c) Quy mô dân số lao động dự kiến: khoảng 25.000 - 32.000 lao động.

#### **3. Mục tiêu**

a) Thể chế hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về việc xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020

của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Cụ thể hóa định hướng của đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 và Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Hình thành Khu công nghiệp với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu hạ tầng của nhà đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài khu công nghiệp, đảm bảo tối đa hiệu quả kinh tế trong đầu tư xây dựng, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.

d) Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2) được lập theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ, trong phạm vi phát triển công nghiệp của đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013.

đ) Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2) được phê duyệt là cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng, lập quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có), triển khai dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt; chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo pháp luật về đầu tư.

#### **4. Tính chất, loại hình sản xuất khu quy hoạch**

Là Khu công nghiệp phát triển chuyên sâu thu hút các dự án đầu tư thực hiện cụm liên kết ngành dựa trên tiềm năng và lợi thế của khu vực, hình thành Khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển bền vững, thân thiện với môi trường. Đáp ứng linh hoạt nhu cầu đa dạng về quy mô sử dụng đất nhằm thu hút đầu tư đa dạng các ngành (công nghiệp nặng, công nghiệp tạo giá trị tăng cao, công nghiệp hỗ trợ, các ngành nghề đầu tư xây dựng, khai thác cảng, dịch vụ logistics,... và các ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của thành phố) tạo thành cụm liên kết ngành trong Khu công nghiệp. Đồng thời, kết hợp với các khu công nghiệp khác (hiện hữu và định hướng quy hoạch) tạo thành cụm liên kết ngành công nghiệp của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

#### **5. Phân khu chức năng**

a) Khu sản xuất công nghiệp kho bãi: các lô đất được bố trí linh hoạt với quy mô diện tích trung bình khoảng 3ha phù hợp loại hình, tính chất và đáp ứng

nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư. Các lô đất có thể cộng gộp hoặc phân chia tùy theo nhu cầu của nhà đầu tư.

b) Khu hậu cần công nghiệp, Logistics: bố trí các công trình nhà xưởng có chức năng giao nhận hàng, đóng gói bao bì, làm thủ tục hải quan, vận chuyển, lưu kho, làm giấy tờ, ghi mã ký hiệu,...

c) Khu hành chính - thương mại - dịch vụ: bố trí khu công trình dịch vụ tại 4 khu vực điểm đầu vào của khu công nghiệp và trục đường Vành đai phía Tây, phục vụ nhu cầu của người lao động trong khu công nghiệp. Các công trình dịch vụ này sẽ là công trình điểm nhấn kiến trúc có tính chất cửa ngõ của Khu công nghiệp. Các chức năng bố trí trong khu này bao gồm: văn phòng điều hành Khu công nghiệp, phòng họp, nhà hàng, cửa hàng, chi nhánh ngân hàng, bưu điện, trạm y tế,...

d) Khu dịch vụ tiện ích - cơ sở lưu trú: xây dựng các công trình phục vụ chuyên gia, người lao động được phép tạm trú, lưu trú làm việc trong khu công nghiệp.

đ) Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật tại vị trí hợp lý, có hiệu quả kinh tế trong quy hoạch xây dựng.

e) Khu cây xanh, mặt nước: bố trí dải cây xanh cách ly giữa Khu công nghiệp với các khu dân cư hiện trạng và khu dân cư đã có quy hoạch, theo đúng định hướng của quy hoạch chung và quy định hiện hành về dải cây xanh cách ly trong khu công nghiệp; bố trí cây xanh dọc theo kênh, rạch có chức năng lưu thông thủy, cấp nước cho các khu nông nghiệp lân cận, vừa làm nơi nghỉ ngơi thư giãn cho người lao động trong Khu công nghiệp.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất dự án khu công nghiệp</b>	<b>540,58</b>	<b>100,00</b>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	320,49	59,29
2	Đất hậu cần công nghiệp, logistics	25,80	4,77
3	Đất hành chính - thương mại - dịch vụ - cơ sở lưu trú	38,35	7,09
3.1	<i>Đất hành chính - thương mại - dịch vụ</i>	<i>19,55</i>	<i>3,62</i>
3.2	<i>Đất dịch vụ tiện ích - cơ sở lưu trú</i>	<i>18,80</i>	<i>3,48</i>
4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	7,75	1,43
5	Đất cây xanh	54,46	10,07
6	Đất mặt nước	19,82	3,67
7	Đất giao thông	73,81	13,65
8	Đất trung tâm văn hóa - thể thao	0,10	0,02
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dự án khu công nghiệp</b>	<b>19,28</b>	

1	Đường huyện 47 (nâng cấp theo quy hoạch thành đường vành đai phía Tây)	19,28	
<b>Tổng</b>		<b>559,86</b>	

### 7. Định hướng phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan

a) Hình thành không gian, cảnh quan công nghiệp hiện đại xứng tầm với vai trò và vị thế là một trong những khu công nghiệp quan trọng của thành phố Cần Thơ, không gian khu công nghiệp nhiều cây xanh, mặt nước, tạo cảnh quan thoáng mát, tạo dựng môi trường làm việc và nghỉ ngơi tốt cho người lao động.

b) Bố trí các công trình hành chính - thương mại - dịch vụ với quy mô phù hợp quy định hiện hành trên các tuyến giao thông chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận, đồng thời tạo cảnh quan cho khu công nghiệp.

c) Bố trí các công trình hậu cần công nghiệp, logistics (bãi đỗ xe, xưởng sửa chữa,...) tại khu vực cửa ngõ của Khu công nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hậu cần và vận chuyển hàng hóa ra vào Khu công nghiệp.

d) Bố trí các công trình dịch vụ tiện ích - cơ sở lưu trú cung cấp các dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi có vị trí tại các tuyến giao thông chính và khu vực cửa ngõ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển và tiếp cận cho người lao động và chuyên gia làm việc tại đây.

đ) Bố trí quỹ đất cây xanh theo tuyến dựa trên hình thái của mạng lưới kênh rạch hiện hữu từ đó hình thành nên hệ thống mảng xanh gắn kết trong toàn khu, góp phần hình thành nên các không gian thư giãn, điều hòa không khí và giảm tiếng ồn từ các trục đường trong khu công nghiệp.

e) Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật tại vị trí hợp lý, có hiệu quả kinh tế trong quy hoạch xây dựng.

g) Định hướng, quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan

- Khu sản xuất công nghiệp, kho bãi, hậu cần công nghiệp, logistics: mật độ xây dựng tối đa đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; chiều cao công trình trong khu vực nhà máy tùy theo nhu cầu và đặc thù công nghệ của loại hình sản xuất. Khi triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (nếu có), các dự án đầu tư thứ cấp thuộc các lô đất quy hoạch Nhà máy công nghiệp trong Khu công nghiệp sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo quy định và yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường đối với khu vực lân cận.

- Đất sản xuất, kho bãi: mật độ xây dựng  $\leq 70\%$  tùy theo diện tích lô đất và tầng cao xây dựng; chiều cao công trình trong khu vực nhà máy tùy theo nhu cầu của ngành nghề sản xuất.

- Đất khu dịch vụ: mật độ xây dựng  $\leq 70\%$  tùy theo diện tích lô đất và chiều cao công trình; tầng cao công trình  $\leq 16$  tầng; tùy theo quy mô công trình và đảm bảo hài hòa với cảnh quan trục đường; diện tích cây xanh trong khuôn viên đảm bảo theo Quy chuẩn Việt Nam.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: mật độ xây dựng  $\leq 70\%$  tùy theo tính chất và quy mô công trình; chiều cao tối đa 20m.

- Đất cây xanh, mặt nước: mật độ xây dựng 5%, chiều cao 4-8m.

Các công trình trong Khu công nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam được quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ.

## **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **a) Quy hoạch san nền**

- Xây dựng đường giao thông kết hợp đê bao quanh dự án và 2 bên bờ các kênh rạch nằm trong dự án với cao trình  $H_{xd} \geq +3,10m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).

- Cao độ xây dựng bên trong của khu công nghiệp:  $H_{xd} \geq +2,70m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).

- Phương án san nền:

+ Xây dựng các đường giao thông kết hợp đê bao dọc theo ranh dự án hoặc kênh-rạch (kênh Thắng Lợi 2, kênh T1, T2, T3), đỉnh đê bao đạt cao độ  $\geq +3,10m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu) để ngăn nước, cụ thể như sau:

+ Các đường D2 và D3: đê được bố trí tại vỉa hè phía kênh rộng 3m, cao độ  $+3,10m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).

+ Các đường công vụ: dùng đường công vụ làm đê bao với cao độ mép đường  $+3,10m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).

+ Cao độ tối thiểu mặt đường của các đường nội bộ trong khu công nghiệp  $+2,90m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).

+ Cao độ xây dựng hoàn thiện trong các lô đất  $\geq +2,70m$  (cao độ Quốc gia - Hòn Dấu) tạo độ dốc nền xây dựng hoàn thiện hướng ra các đường xung quanh.

+ Khu vực cây xanh phía ngoài đường kết hợp đê bao giáp ranh dự án và các khu vực cây xanh giáp kênh rạch hiện hữu sẽ giữ nguyên cao độ tự nhiên để tăng thêm diện tích trữ nước khi mưa kết hợp triều cường.

### **b) Quy hoạch thoát nước mưa**

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải, được thiết kế đảm bảo thoát nước theo nguyên tắc tự chảy; toàn bộ Khu công nghiệp được chia thành 08 lưu vực chính đổ vào các kênh Thắng lợi 2, kênh Trâu Lớn, kênh T1, T2, T3, cụ thể như sau:

+ Lưu vực số 1: từ ranh Đông Bắc Khu công nghiệp đến kênh T1 và từ ranh giáp đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi đến kênh Trâu Lớn.

+ Lưu vực số 2: từ kênh T1 đến kênh T2 và từ ranh giáp đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi đến kênh Trâu Lớn.

+ Lưu vực số 3: từ kênh T2 đến kênh T3 và từ ranh giáp đường cao tốc Lộ Tẻ-Rạch Sỏi đến kênh Thắng Lợi 2.

+ Lưu vực số 4: từ kênh T3 đến ranh phía Tây Nam và từ ranh giáp đường cao tốc Lộ Tẻ-Rạch Sỏi đến kênh Thắng Lợi 2.

+ Lưu vực số 5: từ ranh Đông Bắc khu công nghiệp đến kênh T1 và từ kênh Trâu Lớn đến ranh Đông Nam Khu công nghiệp.

+ Lưu vực số 6: từ kênh T1 đến kênh T2 và từ kênh Trâu Lớn đến ranh Đông Nam Khu công nghiệp.

+ Lưu vực số 7: từ kênh T2 đến kênh T3 và từ kênh Thắng Lợi 2 đến ranh Đông Nam Khu công nghiệp.

+ Lưu vực số 8: từ kênh T3 đến ranh phía Tây Nam và từ kênh Thắng Lợi 2 đến ranh Đông Nam Khu công nghiệp.

- Mạng lưới thoát nước mưa là hệ thống thoát nước độc lập với hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu công nghiệp sử dụng mương hở bê tông cốt thép (BTCT) tại khu vực băng ngang đường (các nút giao thông) sử dụng công hộp BTCT; các lối ra-vào cổng nhà máy sử dụng mương kín BTCT.

- Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc 2 bên đường nội bộ (trừ đường công vụ) để thu nước từ đường giao thông và kết nối thu nước từ hệ thống thoát nước mưa của các nhà máy.

#### c) Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi;

+ Tuyến đường nhánh kết nối tuyến đường D2, D4 (trục dọc) kết nối với tuyến tránh Thốt Nốt Quốc lộ 91;

+ Đường vành đai phía Tây chuẩn bị xây dựng với lộ giới 80m gồm 6 làn xe, tuyến này đi trùng với đường huyện 47 hiện hữu.

- Giao thông Khu công nghiệp:

+ Trục dọc:

\* Trục dọc chính: kết nối ra các đường khu vực (đường Vành đai phía Tây, đường tránh thị trấn Thốt Nốt) bao gồm các đường D2 và D4 có khổ B=46m;

\* Trục dọc nội bộ: đường D1, D3 có khổ rộng B=31m và B=23m (tại vị trí giáp ranh dự án).

+ Trục ngang:

\* Trục ngang chính: có chức năng kết nối khu vực phía Tây Bắc và Đông Nam kênh Thắng Lợi 2, gồm có 2 đường N1-2 và N4-2 các đường này có khổ rộng B=46m;

\* Trục ngang nội bộ:

. Đường N1-1, N3, N4-1, N5, N8, N9 các đường này có khổ rộng B=31m;

. Đường N1-3 có khổ rộng B=28m.

. Đường N2, N6, N7 các đường này có khổ rộng B=16m

+ Đường công vụ: phục vụ việc kiểm tra an ninh, xả thải và phòng cháy chữa cháy, các đường công vụ có khổ rộng B=8m.

+ Cầu vượt kênh rạch: các tuyến đường nội bộ trong khu công nghiệp cắt ngang các kênh rạch thoát nước (kênh T1, T2, T3, Thảng Lợi 2, kênh Trâu Lớn) sẽ bố trí cầu, cống tùy thuộc khẩu độ thoát nước và đảm bảo nhu cầu thông thuyền của lưu thông thủy.

- Giao thông công cộng:

+ Định hướng tổ chức giao thông công cộng tuân thủ theo định hướng chung của khu vực, phù hợp với hình thức tổ chức vận chuyển đưa đón công nhân trong hoạt động sản xuất của dự án. Theo đó, phương tiện giao thông công cộng được đề xuất là xe buýt. Đảm bảo kết nối đồng bộ với mạng lưới giao thông công cộng tổng thể của Quy hoạch chung trong tương lai.

+ Tổ chức đưa đón công nhân: ngoài hình thức tổ chức giao thông công cộng chung trên tuyến đường trục chính thì tại mỗi nhà máy sẽ có điểm đỗ xe đưa đón công nhân theo nhu cầu doanh nghiệp.

d) Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu nước của khu công nghiệp khoảng: 18.885m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước sạch: từ nhà máy nước Thốt Nốt 1, nhà máy nước Thốt Nốt 2 và các nhà máy khác lân cận.

- Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng lưới vòng bảo đảm cấp nước liên tục và áp lực ổn định cho khu vực. Nước từ các nguồn sẽ được dẫn về trạm điều phối nằm bên trái đường D2 góc giao với đường N1T. Trường hợp, hút áp sẽ được bơm bù áp sau đó theo mạng lưới đường ống HDPE có đường kính D560-D180 phân bổ đi các đường nội bộ Khu công nghiệp.

- Nước cấp cho toàn bộ dự án được lấy trực tiếp từ tuyến ống cấp nước HDPE OD560 hiện hữu của Công ty Cấp nước Thốt Nốt cấp đến các cơ sở tiêu thụ nước trong khu vực dự án.

- Ống cấp nước xây dựng mới sử dụng vật liệu ống nhựa HDPE, các phụ kiện (co, cút nối, bít, van khóa,...) bằng HDPE hoặc gang.

- Trên mạng lưới các tuyến ống chính, bố trí các trụ cứu hỏa trên vỉa hè đường, tại ngã ba, ngã tư đường, bán kính phục vụ của mỗi trụ nước không lớn hơn 200m tính theo đường di chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà, vị trí bố trí trụ cứu hỏa đảm bảo thuận tiện cho việc tiếp cận dễ dàng.

- Bố trí các vị trí xả khí và xả cặn trên toàn bộ tuyến ống để đảm bảo điều kiện làm việc của tuyến ống. Đường kính, vị trí ống xả khí và xả cặn sẽ được



xác định cụ thể trong quá trình triển khai thiết kế thi công của dự án

- Phòng cháy chữa cháy: bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy phục vụ Khu công nghiệp theo quy định. Mạng lưới cấp nước chữa cháy được bố trí cùng với mạng lưới cấp nước phục vụ sản xuất, trên các tuyến ống chính phân phối có bố trí trụ cứu hỏa, bán kính phục vụ của mỗi trụ nước không lớn hơn 200m tính theo đường di chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà, các cơ sở thuộc Khu công nghiệp phải được trang bị các phương tiện phòng tại chỗ, bình chữa cháy, các phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn. Trong khu quy hoạch có bố trí hồ nước và tận dụng các kênh, rạch tự nhiên làm bển có thể sử dụng làm điểm lấy nước phục vụ việc chữa cháy khi cần thiết.

đ) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng

- Tổng nhu cầu cấp điện của khu công nghiệp khoảng 137.326 kVA.

- Nguồn điện: dự kiến được cấp nguồn từ tuyến điện mạch đôi 110kV-173kV Long Xuyên 2-172 Vĩnh Thạnh.

- Xây dựng hai trạm biến thế 110/22kV cấp điện chuyên dùng cho Khu công nghiệp, trong đó:

+ Xây dựng TBA 01, công suất: 2x63MVA.

+ Xây dựng TBA 02, công suất: 2x63MVA.

- Lưới điện 500kV và 220kV: dự kiến giữ nguyên trạng và bố trí đi trong hành lang an toàn đường điện với bề rộng 40m.

- Lưới điện 110kV: tại các vị trí cột gần khu vực dự án, xây dựng mới tuyến 110kV đấu nối cấp điện cho các trạm biến thế 110kV của dự án.

- Lưới điện 22kV: từ 02 trạm 110kV dự kiến, sẽ có các xuất tuyến 22kV cấp điện cho các trạm cắt của từng mạch và đến từng máy biến áp từng lô công nghiệp.

- Trạm biến áp hạ thế: các trạm hạ thế cấp điện chuyên dùng cho các nhà máy, công trình dịch vụ công cộng, khu hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định về sau, tùy theo việc xây dựng các công trình cụ thể.

- Chiếu sáng chung: bố trí hệ thống chiếu sáng độc lập trên vỉa hè các tuyến đường Khu công nghiệp; đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn led có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng viễn thông thụ động)

- Tổng nhu cầu viễn thông của toàn khu quy hoạch: dự kiến khoảng 5.227 thuê bao.

- Xây dựng hệ thống viễn thông đi ngầm trong hệ thống cống bê, Chủ đầu tư hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn để đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông như thuê bao điện thoại cố định, internet, truyền hình kỹ thuật số,...

- Hệ thống cáp quang được sử dụng cho mạng lưới viễn thông toàn khu để đảm bảo nhu cầu sử dụng đường truyền băng thông lớn và mở rộng quy hoạch

sau này theo định hướng chung phát triển hạ tầng viễn thông của Nhà nước, đồng thời phù hợp với mạng lưới cáp quang hiện hữu của khu vực.

- Để đảm bảo các kết nối di động có thể hoạt động được, các mạng di động cần trang bị một số trạm di động BTS loại thân thiện môi trường đặt ở khu đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật trong khu quy hoạch nhằm phục vụ cho các kết nối. Trạm BTS sẽ do nhà mạng đầu tư, hồ sơ chỉ thể hiện vị trí dự kiến.

g) Quy hoạch thu gom và xử lý nước thải

- Tổng lượng nước thải phải thu gom, cần xử lý dự kiến của Khu công nghiệp 13.930m<sup>3</sup>/ngđ.

- Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2) xây dựng với quy mô hiện đại, hệ thống thoát nước cho khu vực là hệ thống thoát nước riêng độc lập, nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Toàn bộ nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung bố trí ở khu vực nằm giữa kênh T1 và đường điện cao thế phía trên kênh Thắng Lợi 2, kênh Trâu Lớn.

- Mạng lưới thoát nước thải: xây dựng mạng lưới thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; các tuyến cống dẫn nước thải chủ yếu sử dụng cống tròn BTCT có kích thước D300 ÷ D800 được đặt dưới vỉa hè, những vị trí độ sâu chôn cống quá lớn bố trí các trạm bơm nâng cốt; trạm bơm nước thải sử dụng trạm bơm chìm, kiểu nhúng ướt, bố trí tại các khoảng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan và tiết kiệm diện tích sử dụng.

- Xử lý nước thải: các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải cục bộ, trường hợp nước thải của nhà máy không đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của hệ thống nước thải của Khu công nghiệp. Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp sẽ thu gom và xử lý nước thải đạt yêu cầu của đánh giá tác động môi trường về chất lượng đầu ra theo quy định và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động cho đầu ra của khu xử lý theo quy định.

- Trong khu vực thiết kế bố trí 01 Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp với tổng công suất 14.000m<sup>3</sup>/ngđ.

h) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

- Rác thải hàng ngày được thu gom 100% và được vận chuyển đến khu xử lý rác tập trung theo định hướng quy hoạch.

- Đối với rác thải thông thường, Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị thu gom rác cho toàn Khu công nghiệp.

- Đối với rác thải nguy hại các nhà máy sẽ hợp đồng trực tiếp với đơn vị thu gom.

i) Quy hoạch hệ thống khí đốt

- Dự án đường ống khí Lô B - Ô Môn, tại GDC Ô Môn do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) điều hành đang triển khai về việc cung cấp khí cho các

khách hàng công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Dự kiến bố trí 01 ngõ chờ tại trạm khí của Dự án để phục vụ cấp khí cho các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Đây là nguồn cung cấp khí đốt cho dự án, khí từ tuyến ống này được đưa về trạm phân phối khí (gọi tắt là GDS-Gas Distribute Station) được xây dựng trong dự án. Sau đó, cung cấp khí cho các điểm tiêu thụ thông qua mạng lưới đường ống dẫn khí của dự án.

- Phạm vi cung cấp khí đốt mang tính liên vùng, đòi hỏi hệ thống cung cấp có áp lực đường ống đủ cao, khí đốt từ trạm phân phối khí sẽ được cung cấp thông qua hệ thống ống dẫn khí theo phương châm:

+ Phạm vi cung cấp khí đốt: toàn bộ Khu công nghiệp.

+ Hệ thống cung cấp khí đốt theo dạng xương cá đường ống chính có đường kính lớn đường ống nhánh có đường kính nhỏ hơn và được bố trí một bên đường.

+ Tùy theo mức độ cần thiết, tại các nhà xưởng, công trình thương mại, nhà ở,... sẽ lắp đặt van điều chỉnh (thiết bị điều chỉnh áp suất) để thực hiện công tác cung cấp khí đốt với áp suất thấp.

### **9. Giải pháp bảo vệ môi trường**

Khi triển khai lập dự án đầu tư, Chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, các phương án bảo vệ môi trường đối với Dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

### **10. Quy định quản lý**

a) Việc quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng công trình cần tuân thủ quy hoạch và “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ” được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này, đảm bảo Quy chuẩn - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Quá trình triển khai quy hoạch xây dựng. Trường hợp, áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy phạm nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo luật định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Giao Sở Xây dựng kiểm tra, ký xác nhận hồ sơ, bản vẽ của đồ án và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ theo đúng quy định, phù hợp với nội dung Quyết định này, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch này để các tổ chức, cơ quan và Nhân dân biết và thực hiện. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh

rà soát hiện trạng các khu đất, các quy hoạch và các dự án do địa phương đang triển khai để báo cáo, đề xuất phương án xử lý theo thẩm quyền.

3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát xây dựng công trình theo đúng chủ trương đầu tư và quy hoạch xây dựng được duyệt, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tham mưu cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục về đất đai theo đúng quy định pháp luật.

5. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong phạm vi quy hoạch theo đúng quy định pháp luật.

6. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tham mưu cấp thẩm quyền tổ chức đấu nối hệ thống giao thông của Khu công nghiệp đảm bảo kết nối với hệ thống giao thông cấp thành phố, cấp Quốc gia theo đúng quy định.

7. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tham mưu việc cung cấp năng lượng đảm bảo việc sản xuất trong Khu công nghiệp theo Quy hoạch được duyệt.

8. Giao Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức mời gọi đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *W*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - TTTU, TTHĐND TP;
  - CT, PCT UBND TP (1ABCD);
  - Huyện ủy Vĩnh Thạnh;
  - HĐND huyện Vĩnh Thạnh;
  - VP UBND (3D);
  - Công TTĐT TP;
  - Lưu VT, NCH. *me*
- 13519-1987

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Hà**